

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**
Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày: 07-9-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Như Biên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quý Vĩnh

2. Ông Lê Viết Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ba - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-HS ngày 24/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 24/8/2020, đối với các bị cáo:

1. **Trần Trung T1**; giới tính: Nam;

Sinh ngày 11/3/1974 tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Tổ A1, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12;

Con ông Trần Trung B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q (sinh năm 1944); gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư;

Họ và tên vợ: Nguyễn Thị L (sinh năm 1976); có 01 con 16 tuổi;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. **Đặng C1**; giới tính: Nam;

Sinh ngày 26/4/1985 tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Tổ A2, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Thợ máy; trình độ học vấn: 7/12;

Con ông Đặng Công T (đã chết) và bà Ngô Thị D (sinh năm 1957); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai;

Họ và tên vợ: Nguyễn Thị N (sinh năm 1988), có 01 con 11 tuổi;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Trần Văn H; giới tính: Nam;

Sinh ngày 13/01/1978 tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Tổ A3, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn 8/12;

Con ông Trần G (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1936); gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba;

Họ và tên vợ: Lương Đỗ An S (sinh năm 1978); có 02 con, lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất 7 tuổi;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Phạm Văn C2; giới tính: Nam;

Sinh năm: 1976 tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Tổ A4, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12;

Con ông Phạm T (sinh năm 1956) và bà Lê Thị B (sinh năm 1956); gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Họ và tên vợ: Đỗ Thị T (sinh năm 1976); có 02 con, lớn nhất 22 tuổi, nhỏ nhất 15 tuổi;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Phạm T2; giới tính: Nam;

Sinh ngày 14/9/1985 tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Tổ A5, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo;

Nghề nghiệp: Cơ khí; Trình độ học vấn 6/12;

Con ông Phạm T (sinh năm 1956) và bà Trần Thị B (sinh năm 1960); gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Lê Văn X; giới tính: Nam;

Sinh năm: 1974 tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Tổ A6, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12;

Con ông Lê D (sinh năm 1952) và bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1952); gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Họ và tên vợ: Trần Thị L (sinh năm 1974); có 02 con, lớn nhất 24 tuổi, nhỏ nhất 18 tuổi;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Phan N; giới tính: Nam;

Sinh ngày 09/8/1992 tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Tổ A7, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12;

Chưa xác định cha. Mẹ là bà Phan Thị T (sinh năm 1967); gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Đỗ Tr; giới tính: Nam;

Sinh ngày 01/01/1975 tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Tổ A8, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 7/12;

Con ông Đỗ T (sinh năm 1945) và bà Lê Thị B (sinh năm 1941); gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba;

Họ và tên vợ: Lê Thị Hồng V (sinh năm 1978); có 02 con, lớn nhất 19 tuổi, nhỏ nhất 14 tuổi;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Phạm Văn Đ; giới tính: Nam;

Sinh ngày 23/11/1970 tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Tổ A9, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo;

Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 9/12;

Con ông Phạm Ch (sinh năm 1946) và bà Bùi Thị C (sinh năm 1947); gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Họ và tên vợ: Võ Thị H (sinh năm 1971); có 02 con, lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất 10 tuổi;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Tất cả các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Minh T. Sinh ngày: 15/9/1980

Nơi cư trú: Tổ B1, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H. Sinh ngày: 11/3/1971

Nơi cư trú: Tổ B2, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

2. Ông Lê Văn Nh. Sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Tổ B3, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

3. Ông Phạm Đông Nh. Sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Tổ B4, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 26/3/2020, Đỗ Tr đến Quán cà phê TH, địa chỉ: Số A, đường B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam để uống cà phê. Tại đây, ông Tr gặp Phạm Văn Đ và Đặng C1 nên rủ nhau cùng tham gia đánh bạc, hai người này đồng ý. Do vẫn còn thiếu người chơi nên những người trên tiếp tục rủ thêm Trần Trung T1 (là chủ quán cà phê TH), ông T1 đồng ý. Sau khi chơi khoảng 03 ván, ông T1 nghỉ chơi và đi làm cà phê cho khách nên Phạm T2 vào thay thế chỗ ông T1 để tiếp tục chơi. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, do ông Phạm Văn Đ thua hết tiền nên Trần Văn H vào thay thế chỗ ông Đ để tiếp tục chơi. Sau đó, ông Đỗ Tr cũng nghỉ chơi, ông Phạm Văn C2 là người vào thay thế để tiếp tục chơi. Trong lúc các đối tượng đang chơi, Phan N vào cùng tham gia với Phạm T2 một cửa để cùng cá cược. Những người trên thống nhất với nhau chơi bằng hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền với số tiền cá cược thấp nhất là 20.000 đồng và cao nhất là 300.000 đồng. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố H đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài Tú lơ khơ (còn gọi là bài Tây) gồm 52 lá, số tiền 6.900.000 đồng; tạm giữ trên người của Phan N số tiền 450.000 đồng, của Lê Văn X số tiền 6.300.000 đồng và của Trần Văn H số tiền 5.400.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng tự nguyện giao nộp tài sản gồm: Trần Văn H 9.200.000 đồng, Đặng C1 3.800.000 đồng, Phạm T2 16.400.000 đồng, Trần Trung T1 220.000 đồng.

Cách thức đánh bạc trái phép dưới hình thức binh xập xám được các đối tượng thực hiện như sau: Tất cả có 04 cửa chơi, lần lượt mỗi người cầm cái 03 ván, Người chơi có thể đặt cược tiền bằng lời nói hoặc đặt xuống chiếu bạc hoặc giao cho Trần

Trung T1 cầm giúp cho người cầm cái. Người cầm cái ra mức tiền cược và sử dụng bộ bài Tây có 52 lá chia cho mỗi cửa chơi 13 lá, sau đó người chơi tự phân thành 03 “chi” (“chi” đầu có 03 lá bài, 02 “chi” còn lại, mỗi “chi” 05 lá bài), sắp xếp từ nhỏ đến lớn theo thứ tự từ trên xuống: Mậu thầu (các lá bài không có sự liên kết hay giống nhau); đôi (hay còn gọi là dách: các lá bài có cùng số hoặc cùng chữ để tạo thành một đôi); thú (trong chi bài có 02 đôi); xám (trong chi bài có 03 lá bài cùng số hoặc cùng chữ); sảnh (05 lá bài có sự liên tiếp nhau); thùng (05 lá bài cùng màu, đồng chất); cù lũ (gồm 01 đôi và 01 xám); tứ quý (mậu binh: 04 lá bài cùng số hoặc cùng chữ); thùng phá sảnh (mậu binh: 05 lá bài liên tiếp, cùng màu, đồng chất). Sau khi sắp xếp bài xong, người cầm cái có quyền lật bài từng người để kiểm tra, so sánh các “chi” với nhau và tính thắng thua. Người nào thắng cả 03 “chi” hoặc thắng 02 “chi” trong 03 “chi” là thắng cược, cách tính thắng thua từ lớn đến nhỏ; tỷ lệ thắng thua là 1:1 tùy theo mức đặt cược của người chơi. Nếu người cầm cái thua, T1 sẽ đưa tiền cho người chơi thắng và không nhận tiền xâu; nếu người cầm cái thắng thì T1 giữ tiền này cho cái để chơi ván tiếp theo và được cái đưa tiền xâu.

Với cách thức trên, số tiền các đối tượng dùng đánh bạc như sau: Đặng C1 mang theo số tiền 4.300.000 đồng, dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc, thua 500.000 đồng, số tiền còn lại 3.800.000 đồng, ông C1 cất giữ trong người; Phan N mang theo 850.000 đồng, dùng 850.000 đồng để đánh bạc, thua 300.000 đồng, N để 100.000 đồng ở chiếu bạc, còn 450.000 đồng cất giữ trong người; Phạm T2 mang theo 17.000.000 đồng, dùng 600.000 đồng để đánh bạc, thắng được 1.100.000 đồng, tổng số tiền có được từ việc đánh bạc là 1.700.000 đồng T2 trên chiếu bạc, còn 16.400.000 đồng T2 cất giữ trong ví; Lê Văn X mang theo 6.700.000 đồng, dùng 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, thua 400.000, còn 6.300.000 đồng X cất giữ trong người; Trần Văn H mang theo 14.200.000 đồng, lấy riêng 3.000.000 đồng cất giữ trong túi áo để sử dụng sửa chữa xe ô tô, dùng 2.000.000 đồng để đánh bạc, thắng 400.000 đồng, còn lại 9.200.000 cất giữ trong ví; Phạm Văn C2 mang theo 1.000.000 đồng, dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Trong lúc tham gia đánh bạc, ông C2 được anh Phạm Minh T trả nợ 4.000.000 đồng. Số tiền này, ông C2 không dùng đánh bạc nhưng do không có túi cất giữ tiền nên để trên chiếu bạc nơi ông C2 ngồi chơi và bị công an bắt quả tang tạm giữ trong số tiền 6.900.000 đồng; Trần Trung T1 dùng 50.000 đồng để đánh bạc, hòa vốn. Ngoài ra, ông T1 nhận của ông C2, ông T2, ông C1 và ông N tổng cộng 170.000 đồng (trong đó: Tiền xâu là 140.000 đồng và 30.000 đồng tiền cà phê và thuốc lá); Phạm Văn Đ mang theo khoảng hơn 200.000 đồng, dùng 200.000 đồng để đánh bạc và thua hết; Đỗ Tr mang theo số tiền khoảng hơn 400.000 đồng, dùng 400.000 đồng dùng để đánh bạc và thua hết. Do có bị can không xác định rõ tiền thắng thua trong quá trình tham gia đánh bạc nên xác định tổng số tiền dùng đánh bạc là 7.070.000 đồng.

Cáo trạng số 31/CT-VKSHA ngày 22/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An truy tố các bị cáo Trần Trung T1, Đặng C1, Trần Văn H, Phạm Văn C2, Phạm T2, Lê Văn X, Phan N, Đỗ Tr và Phạm Văn Đ về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai của các bị cáo là phù hợp với các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Trần Trung T1 và Trần Văn H mỗi bị cáo từ 27.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; Đặng C1, Phạm Văn C2, Phạm T2, Lê Văn X, Phan N, Đỗ Tr và Phạm Văn Đ mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Và đề nghị xử lý vật chứng như cáo trạng đã nêu.

Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo thống nhất với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Các bị cáo đã biết sai, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hội An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định: Sáng ngày 26/3/2020, tại Quán cà phê TH, địa chỉ: Số A đường B, phường C, thành phố H, các đối tượng gồm: Đặng C1, Phan N, Phạm T2, Lê Văn X, Trần Văn H, Phạm Văn C2, Trần Trung T1, Phạm Văn Đ và Đỗ Tr tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền với tổng số tiền dùng đánh bạc là 7.070.000 đồng. Lời khai của các bị cáo là phù hợp với lời khai của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo C1, N, T2, X, H, C2, T1, Đ và Tr đã cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cáo trạng số

31/CT-VKSHA ngày 22/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; hành vi của các bị cáo là trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến xã hội và tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải bị pháp luật xử lý một cách nghiêm minh.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Trong vụ án này, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình.

[5] Xét vai trò, tính chất, mức độ của từng bị cáo thì thấy: Trong vụ án này, bị cáo Trần Trung T1 mặc dầu chỉ dùng 50.000 đồng để đánh bạc nhưng đã có hành vi sử dụng quán cà phê do mình làm chủ để các bị cáo khác đánh bạc, cung cấp cà phê, bài Tây, bàn ghế, nhận tiền xâu từ các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo ở mức cao hơn so với các bị cáo còn lại, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục bị cáo và góp phần tuyên truyền ý thức chấp hành pháp cho công dân.

Hội đồng xét xử xét rằng các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn nên không cần thiết phải xử hình phạt tù mà chỉ cần áp hình phạt tiền đối với các bị cáo là đã đủ tính giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[6] Đối với Trần Trung T1 đã có hành vi nhận tiền xâu, cung cấp bài Tây và bàn ghế của quán cà phê do mình làm chủ cho những người khác đánh bạc. Tuy nhiên, hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, không truy cứu trách nhiệm hình sự ông T1 về tội danh trên là phù hợp

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử cần tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tây 52 lá; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.070.000 đồng, trong đó: Số tiền dùng để đánh bạc thu giữ tại chiếu bạc 2.900.000 đồng; số tiền dùng để đánh bạc của các bị cáo gồm: Đặng C1 số tiền 500.000 đồng, Phan N số tiền 450.000 đồng, Lê Văn X số tiền 600.000 đồng, Trần Văn H số tiền 2.400.000 đồng, Trần Trung T1 số tiền 220.000 đồng. Đối với số tiền thu giữ còn lại không dùng vào mục đích đánh bạc, Hội đồng xét xử trả lại cho Lê Văn X 5.700.000 đồng, trả lại cho Trần Văn H 12.200.000 đồng, trả lại cho Đặng C1 3.300.000 đồng, trả lại cho Phạm T2 16.400.000 đồng, trả lại cho Phạm Văn C2 4.000.000 đồng nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Trung T1, Đặng C2, Trần Văn H, Phạm Văn C2, Phạm T2, Lê Văn X, Phan N, Đỗ Tr và Phạm Văn Đ** phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Trần Trung T1 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*); các bị cáo Đặng C2, Trần Văn H, Phạm Văn C2, Phạm T2, Lê Văn X, Phan N, Đỗ Tr và Phạm Văn Đ mỗi bị cáo 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tây 52 lá; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.070.000 đồng. Trả lại cho Lê Văn X 5.700.000 đồng, trả lại cho Trần Văn H 12.200.000 đồng, trả lại cho Đặng C1 3.300.000 đồng, trả lại cho Phạm T2 16.400.000 đồng, trả lại cho Phạm Văn C2 4.000.000 đồng, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(*Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hội An theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/7/2020. Đối với vật chứng là tiền đang nộp vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9043934.00000 của Công an thành phố Hội An vào ngày 04/6/2020*).

Về án phí: Các bị cáo Trần Trung T1, Đặng C1, Trần Văn H, Phạm Văn C2, Phạm T2, Lê Văn X, Phan N, Đỗ Tr và Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/9/2020) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hội An;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Bị cáo, những người TGTT khác;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VP công an thành phố Hội An;
- UBND p.C,
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Như Biên